

Số: 28 /KH-VHXXH

Hung Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2023

KẾ HOẠCH

Khảo sát việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Kế hoạch hoạt động số 02/KH-VHXXH ngày 03/01/2023 của Ban Văn hóa - Xã hội (VHXXH), Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh năm 2023, Ban VHXXH - HĐND tỉnh xây dựng kế hoạch khảo sát việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Thông qua khảo sát nhằm đánh giá những kết quả đạt được, làm rõ những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đề xuất, kiến nghị các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo trợ xã hội trong thời gian tới; góp phần đảm bảo công tác an sinh xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Hoạt động khảo sát đảm bảo chất lượng và hiệu quả, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị, địa phương được khảo sát.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương được khảo sát có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo bằng văn bản. Nội dung báo cáo phải cụ thể, rõ ràng, minh chứng bằng số liệu; làm rõ trách nhiệm của các đơn vị trong tổ chức thực hiện nội dung khảo sát. Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung khảo sát và làm rõ những vấn đề mà Đoàn khảo sát quan tâm. Bố trí đầy đủ thành phần làm việc và tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

II. NỘI DUNG, ĐƠN VỊ, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM KHẢO SÁT

1. Nội dung

- Việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh (Có Đề cương kèm theo).

- Giai đoạn khảo sát: từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2022.

2. Đơn vị khảo sát

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- UBND các huyện, thị xã, thành phố;

- UBND một số xã, phường, thị trấn (**Đề nghị UBND cấp huyện lựa chọn 02 xã, gửi Kế hoạch khảo sát của Ban VHXXH và hướng dẫn các UBND cấp xã chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo đúng đề cương gửi kèm; đồng thời tổng hợp báo cáo của các đơn vị được lựa chọn, gửi về Ban VHXXH - HĐND tỉnh theo thời gian quy định**);

- Một số cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Bảo trợ xã hội và Công tác xã hội; Trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Tiên Lữ; Trường Phục hồi chức năng và dạy nghề cho người khuyết tật Khoái Châu; Trung tâm Điều dưỡng tâm thần kinh; Trung tâm Hy vọng Tiên Cầu; Trung tâm trợ giúp xã hội Tâm Phúc; Trung tâm trợ giúp xã hội ACD; Trung tâm dưỡng lão Kaigo (***Đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội gửi Kế hoạch khảo sát của Ban VHXH và hướng dẫn các cơ sở chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo đề cương gửi kèm; đồng thời tổng hợp báo cáo của các đơn vị gửi về Ban VHXH - HĐND tỉnh theo thời gian quy định***);

Căn cứ tình hình thực tế, Ban VHXH sẽ lựa chọn một số cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở để tiến hành khảo sát trực tiếp.

3. Thời gian, địa điểm khảo sát

- Thời gian: Trong tháng 02 và tháng 3 năm 2023 (*Ban VHXH sẽ thông báo lịch làm việc cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương*).

- Địa điểm: Tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở được khảo sát.

III. THÀNH PHẦN LÀM VIỆC

1. Thành phần Đoàn khảo sát

a) Trưởng đoàn: Bà Đặng Thị Gấm, Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh, Trưởng Ban VHXH - HĐND tỉnh;

b) Phó Trưởng đoàn: Ông Đoàn Khắc Thuận, Phó Trưởng Ban VHXH - HĐND tỉnh;

c) Thành viên

- Ông Nguyễn Văn Đoàn, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Yên Mỹ, Ủy viên Ban VHXH - HĐND tỉnh;

- Ông Nguyễn Bật Khánh, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Văn Lâm, Ủy viên Ban VHXH - HĐND tỉnh;

- Bà Đỗ Thị Hương, Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy Khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh, Ủy viên Ban VHXH - HĐND tỉnh;

- Bà Doãn Thị Nguyệt, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ủy viên Ban VHXH - HĐND tỉnh;

- Ông Đinh Hồng Quyên, Phó Chánh Văn phòng phụ trách Văn phòng UBND tỉnh, Ủy viên Ban VHXH - HĐND tỉnh.

d) Mời đại diện tham gia Đoàn:

- Đồng chí Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;

- Đại diện Lãnh đạo Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (*khi Đoàn khảo sát làm việc tại địa phương và các cơ sở*).

đ) Thư ký

- Bà Lưu Thùy Linh, chuyên viên phòng Công tác HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;

- Bà Bùi Thị Huyền Trang, chuyên viên phòng Công tác HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

2. Thành phần làm việc với Đoàn

Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ sở và các phòng ban, bộ phận có liên quan đến nội dung khảo sát làm việc với Đoàn.

IV. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH

1. Đoàn khảo sát sẽ tiến hành làm việc trực tiếp tại trụ sở các cơ quan, đơn vị được khảo sát, nghe báo cáo những nội dung khảo sát, đề nghị làm rõ những vấn đề mà Đoàn khảo sát quan tâm.

2. Trước và trong quá trình khảo sát, Ban có thể cử cán bộ, chuyên viên phòng Công tác HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đến làm việc với các cơ quan, đơn vị để nghiên cứu tài liệu, làm rõ những nội dung cần thiết.

3. Kết thúc cuộc khảo sát, Ban tổng hợp đánh giá chung, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và gửi đến các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị được khảo sát

- Chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo nội dung yêu cầu, gửi về Ban VHXH - HĐND tỉnh (số 10 đường Chùa Chuông, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên) trước ngày 10/02/2023; đồng thời gửi báo cáo qua hộp thư điện tử: vanxa.hdnd@gmail.com.

- Tích cực, chủ động hợp tác với Đoàn khảo sát chuẩn bị địa điểm làm việc; thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung, kế hoạch khảo sát. Chuẩn bị báo cáo, hồ sơ, tài liệu liên quan, giải trình các nội dung theo đề nghị của Đoàn khảo sát.

2. Các thành viên Đoàn khảo sát

Chủ động, tích cực thu thập, nắm bắt thông tin về nội dung khảo sát; nghiên cứu các tài liệu pháp lý và báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tham gia đầy đủ các buổi làm việc, tích cực trao đổi đề nghị làm rõ các nội dung theo yêu cầu của chương trình khảo sát.

3. Đề nghị Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

- Chỉ đạo phòng Công tác HĐND trực tiếp tham mưu cho Đoàn khảo sát về các nội dung khảo sát. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi báo cáo đúng thời gian quy định; sắp xếp chương trình làm việc và gửi các tài liệu có liên quan đến các thành viên và đại biểu mời tham gia Đoàn. Tổng hợp và dự thảo báo cáo kết quả khảo sát.

- Chỉ đạo phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị chuẩn bị phương tiện và các điều kiện cần thiết đảm bảo cho Đoàn khảo sát thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là Kế hoạch khảo sát của Ban VHXH - HĐND tỉnh, đề nghị các thành phần tham gia Đoàn khảo sát và cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Chi tiết liên hệ: Đồng chí Lưu Thùy Linh - Chuyên viên phòng Công tác HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; SĐT: 0931 528 118./. ✱

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Thành phần Đoàn khảo sát;
- Các cơ quan, đơn vị được khảo sát;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Phòng HC-TC-QT;
- Lưu: VT.

TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN



Đặng Thị Gấm



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Khảo sát việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 21 /KH-VHXH ngày 17/01/2023 của Ban VHXH - HĐND tỉnh)

Cơ quan, đơn vị được khảo sát, căn cứ tình hình thực tế xây dựng báo cáo đảm bảo sự phù hợp, chính xác với những nội yêu cầu theo Đề cương gợi ý, ngoài ra có thể bổ sung những vấn đề cần thiết mà Đề cương gợi ý chưa nêu.

A. ĐỐI VỚI SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI; UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

I. Đặc điểm tình hình

Khái quát tình hình công tác bảo trợ xã hội; mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội; số cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập; số lượng các đối tượng bảo trợ trên địa bàn và việc quản lý các đối tượng theo quy định; những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội trên địa bàn.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước

- Công tác tham mưu ban hành và ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn việc triển khai thực hiện.
- Việc đề xuất lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu trợ giúp xã hội trong việc xây dựng, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ tỉnh đến cơ sở.
- Công tác thông tin, tuyên truyền (*nêu rõ hình thức, nội dung, số lượng buổi tuyên truyền, số người tham gia và kết quả tuyên truyền*).
- Tổ chức bộ máy, nhân lực thực hiện (*nêu rõ số lượng, chất lượng bộ máy các cấp; việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội,...*). Việc thành lập Hội đồng xét duyệt và hoạt động của Hội đồng xét duyệt.
- Công tác rà soát, công nhận đối tượng bảo trợ xã hội.
- Công tác quản lý hồ sơ, tiếp nhận và giải quyết chế độ cho các đối tượng bảo trợ xã hội (*Báo cáo chi tiết đối với từng đối tượng: trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng; trợ giúp xã hội đột xuất tại cộng đồng; trợ giúp chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng; trợ giúp chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và các trợ giúp khác...*).
- Hoạt động của các cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.
- Công tác thanh tra, kiểm tra (*số lượng; cụ thể kết quả thực hiện*).
- Nguồn lực thực hiện (*Gồm kinh phí thực hiện chính sách xã hội thường xuyên: chi chế độ chính sách, chi thường xuyên, chi đầu tư xây dựng cơ bản; Kinh phí thực hiện trợ giúp đột xuất: ngân sách địa phương tự cân đối; trợ giúp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; ngân sách Trung ương trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn,...*).
- Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp, các đơn vị.
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thực hiện chính sách trợ giúp xã hội.

2. Kết quả thực hiện chính sách

- Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.
- Trợ giúp xã hội đột xuất tại cộng đồng.
- Trợ giúp chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng.
- Trợ giúp chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội...
- Trợ giúp khác.

(Đề nghị nêu rõ số đối tượng trợ cấp; nêu rõ việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội của Trung ương và của địa phương; kinh phí trợ cấp; hình thức trợ cấp cụ thể từng năm)

3. Việc thực hiện hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 theo các Nghị quyết của Chính phủ

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm
2. Hạn chế và nguyên nhân
3. Giải pháp thực hiện

IV. Kiến nghị

1. Đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.
2. Đối với các sở, ngành, đơn vị có liên quan.

B. ĐỐI VỚI UBND CẤP XÃ

I. Đặc điểm tình hình

Đánh giá khái quát những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn.

II. Kết quả thực hiện

1. Công tác ban hành các văn bản để triển khai thực hiện chính sách liên quan việc trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách bảo trợ xã hội *(nêu rõ hình thức, nội dung, số lượng buổi tuyên truyền, số người tham gia và kết quả tuyên truyền)*.

3. Nhân lực thực hiện công tác trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội.

4. Kết quả thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng

- Số đối tượng được trợ cấp hàng tháng trên địa bàn *(tổng số đối tượng, phân ra từng loại đối tượng)*; nội dung trợ cấp, mức trợ cấp, tổng kinh phí đã chi trả; số tiền chia theo từng đối tượng.

- Quy trình thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng.

+ Việc tiếp nhận hồ sơ *(thời gian thực hiện các bước theo quy định)*.

+ Thủ tục chi trả chế độ, kết quả chi trả *(số đối tượng được trợ cấp xã hội hàng tháng, số đối tượng được hỗ trợ đột xuất trong thời gian từ năm 01/01/2020 đến 31/12/2022)*.

+ Việc thực hiện quy trình đối với đối tượng thay đổi nơi cư trú (*số đối tượng được thực hiện thủ tục thay đổi nơi cư trú*).

- Cấp thẻ bảo hiểm y tế; được trợ giúp giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

+ Số đối tượng được cấp bảo hiểm y tế.

+ Số đối tượng được trợ giúp giáo dục, đào tạo và dạy nghề (*chia ra từng loại đối tượng, loại hình giáo dục, đào tạo và dạy nghề*).

- Đối tượng được hỗ trợ chi phí mai táng (*số lượng, số tiền mai táng phí đã thực hiện*).

5. Kết quả thực hiện trợ giúp xã hội đột xuất

- Hỗ trợ lương thực (*số người được hỗ trợ, số lượng gạo*);

- Hỗ trợ người bị thương nặng (*số người, số tiền*);

- Hỗ trợ chi phí mai táng (*số người, số tiền*);

- Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở (*số nhà, số tiền*);

- Hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác (*số trẻ, số tiền*);

- Hỗ trợ tạo việc làm, phát triển sản xuất (*số người, số tiền*).

- Quy trình, thủ tục thực hiện trợ giúp xã hội đột xuất.

6. Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng

- Số đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng (*tổng số, chia theo từng đối tượng*).

- Chế độ đối với đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Trợ cấp xã hội hàng tháng (*tổng số tiền; số tiền chia theo từng đối tượng*).

+ Tổng số đối tượng BTXH được cấp thẻ BHYT.

+ Trợ cấp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: (*tổng số đối tượng được trợ giúp, chia ra từng loại đối tượng*); loại hình giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

+ Hỗ trợ chi phí mai táng.

- Chế độ đối với hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng (*số đối tượng, tổng số tiền*).

+ Hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Quy trình, thủ tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH.

7. Nguồn lực thực hiện

- Tổng kinh phí thực hiện (*nêu chi tiết từng nguồn, từng nội dung theo năm; đáp ứng nhu cầu hay chưa đáp ứng nhu cầu*).

- Công tác lập dự toán, hình thức chi trả và quyết toán kinh phí đối với từng nội dung trên tại địa phương, đơn vị.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được
2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân
3. Đề xuất các giải pháp khắc phục hạn chế, khó khăn, vướng mắc

IV. Kiến nghị

* Lưu ý: Trong từng nội dung hỗ trợ đề nghị đánh giá rõ về việc thực hiện hỗ trợ có đảm bảo đầy đủ, kịp thời các nội dung hỗ trợ theo quy định.

C. ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI

I. Đặc điểm tình hình

Khái quát tình hình hoạt động của đơn vị; thực trạng công tác bảo trợ xã hội; những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. Kết quả thực hiện

1. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh đối với hoạt động bảo trợ xã hội; xây dựng kế hoạch can thiệp và trợ giúp đối tượng; giám sát và rà soát lại các hoạt động can thiệp, trợ giúp và điều chỉnh kế hoạch.

2. Tổ chức bộ máy, nhân lực thực hiện công tác trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ*). Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ thực hiện chính sách trợ giúp xã hội.

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (*nêu cụ thể vật chất, trang thiết bị hiện có; số thiết bị phù hợp hoặc chưa phù hợp; nhu cầu thực tế...*).

4. Kết quả thực hiện chính sách.

- Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở.

+ Đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại đơn vị (*phân loại cụ thể số lượng từng đối tượng*); thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng; chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp (*số lượng, nguyên nhân cần bảo vệ, chế độ bảo vệ*).

+ Đối tượng tự nguyện (*số lượng, cụ thể từng đối tượng, chế độ cho các đối tượng*).

- Việc cung cấp các dịch vụ y tế ban đầu; tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, trợ giúp các đối tượng trong các hoạt động tự quản, văn hóa, thể thao, các hoạt động đối với lứa tuổi và sức khỏe của từng nhóm đối tượng.

- Việc hỗ trợ giáo dục, đào tạo và tạo việc làm.

+ Việc thực hiện chế độ đối với đối tượng được giáo dục, đào tạo.

+ Số đối tượng được tạo việc làm.

- Thẩm quyền, quy trình, thủ tục, tiếp nhận vào cơ sở và bàn giao về cộng đồng.

- Việc tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội cho người có nhu cầu; lựa chọn các biện pháp nghiệp vụ trợ giúp xã hội để trợ giúp đối tượng.

5. Kết quả huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp trong trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở. Việc sử dụng kinh phí, hiện vật của các cá nhân, tổ chức tài trợ tại cơ sở.

6. Nguồn lực thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện (*nêu chi tiết từng nguồn, từng nội dung theo năm; đáp ứng nhu cầu hay chưa đáp ứng nhu cầu*).

7. Công tác phối hợp trong tổ chức triển khai thực hiện.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

IV. Kiến nghị

1. Đối với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

2. Đối với các sở, ngành, đơn vị có liên quan.

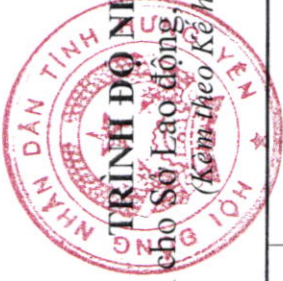
Lưu ý: Trong từng nội dung hỗ trợ đề nghị đánh giá rõ về việc thực hiện hỗ trợ có đảm bảo đầy đủ, kịp thời các nội dung hỗ trợ theo quy định./.

BAN HÀNH VĂN BAN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN
(Dành cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện và UBND cấp xã)
(Kèm theo Kế hoạch số 41 /KH-DGS ngày 4/01/2023 của Đoàn Kiểm sát Ban VHXH HDND tỉnh)

TT	Tên, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm	Nội dung trích yếu
I	Các văn bản tham mưu UBND tỉnh ban hành		
...			
II	Các văn bản do cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành		
...			

TRÌNH ĐỘ NHẬN LỰC THỰC HIỆN CÔNG TÁC TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Dành cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện, xã; Các cơ sở bảo trợ xã hội)
(Kèm theo Kế hoạch số 21/KH-VHXH ngày 01/2023 của Ban VHXH - HĐND tỉnh)



Cấp/đơn vị	ĐV tính	Năm 2020				Năm 2021				Năm 2022			
		Trên ĐH	ĐH	CĐ	Khác	Trên ĐH	ĐH	CĐ	Khác	Trên ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1. Cơ quan quản lý Nhà nước													
1.1. Cấp tỉnh	Người												
1.2. Cấp huyện	Người												
1.3. Cấp xã	Người												
2. Cơ sở trợ giúp xã hội	Người												
Tổng số													

Lưu ý:

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội báo cáo số liệu tổng hợp toàn tỉnh
- UBND huyện, thị xã, thành phố báo cáo số liệu của cấp huyện và cấp xã
- UBND cấp xã, các cơ sở bảo trợ xã hội báo cáo số liệu của địa phương, đơn vị mình

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỢ GIÚP XÃ HỘI THƯỜNG XUYỀN VÀ KHẢN CẤP
THEO ĐỔI TUỔI, HÌNH THỨC TRỢ CẤP**

(Dành cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã)
(Kèm theo Kế hoạch số 21 /KH-VHXH ngày 17/01/2023 của Ban VHXH - HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Tổng số		Nguồn ngân sách các cấp chia theo các năm						Nguồn xã hội hóa				
		Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022		
				Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)					
	A. KẾT QUẢ TRỢ GIÚP XÃ HỘI THƯỜNG XUYỀN													
I	TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG													
1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng <i>Trong đó: Dưới 4 tuổi</i>													
2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất													
3	Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo <i>Trong đó: Dưới 4 tuổi</i>													
4	Người đơn thân nghèo đang nuôi con													
5	Người cao tuổi													
5.1	Người cao tuổi nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng													
5.2	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có													

STT	Nội dung	Tổng số		Nguồn ngân sách các cấp chia theo các năm						Nguồn xã hội hóa			
		Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	
				Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)
	lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng												
	<i>Trong đó: thuộc diện hộ nghèo</i>												
5.3	Người cao tuổi thuộc hộ nghèo có người nhận chăm sóc tại cộng đồng.												
6	Người khuyết tật												
6.1	Người khuyết tật đặc biệt nặng												
6.2	Người khuyết tật nặng												
7	Người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng												
II.	NHẬN NUÔI DƯỠNG CHĂM SÓC TẠI CỘNG ĐỒNG												
I	Đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng												
1.1	Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng												
	<i>Trong đó: Dưới 4 tuổi</i>												
1.2	Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng												
1.3	Người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo có người nhận chăm sóc tại cộng đồng												
2	Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp thuộc												

STT	Nội dung	Tổng số		Nguồn ngân sách các cấp chia theo các năm						Nguồn xã hội hóa					
		Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022			
				Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)						
3	điện nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tạm thời tại cộng đồng														
III	Hệ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội														
IV	NUÔI DƯỠNG TRONG CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI, NHÀ XÃ HỘI														
1	Đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn														
2	Đối tượng cần được bảo vệ khẩn cấp														
3	Đối tượng tự nguyện														
IV	HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG														
V	CẤP THẺ BHYT														
B. KẾT QUẢ TRỢ GIÚP XÃ HỘI KHẨN CẤP															
1	Hỗ trợ lương thực														
2	Hỗ trợ người bị thương nặng														
3	Hỗ trợ chi phí mai táng														
4	Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà														
5	Hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha mẹ chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng														
6	Hỗ trợ đột xuất dịp Tết														

Lưu ý:

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội báo cáo số liệu tổng hợp toàn tỉnh
- UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo số liệu tổng hợp của địa phương

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỢ GIÚP XÃ HỘI THƯỜNG XUYÊN VÀ KHẨN CẤP THEO ĐỊA BÀN

(Dành cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã)

(Kèm theo Kế hoạch số 41 /KH-VHXH ngày 17/01/2023 của Ban VHXH - HĐND tỉnh)

TT	Địa phương	Năm 2020				Năm 2021				Năm 2022			
		Trợ cấp thường xuyên		Trợ cấp khẩn cấp		Trợ cấp thường xuyên		Trợ cấp khẩn cấp		Trợ cấp thường xuyên		Trợ cấp khẩn cấp	
		Số lượng (Người)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Số lượng (Người)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Số lượng (Người)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Số lượng (Người)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Số lượng (Người)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Số lượng (Người)	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)
1	Thành phố Hưng Yên												
2	Huyện Tiên Lữ												
3	Huyện Phù Cù												
4	Huyện Kim Động												
5	Huyện Ân Thi												
6	Huyện Khoái Châu												
7	Huyện Mỹ Hào												
8	Huyện Yên Mỹ												
9	Huyện Văn Giang												
10	Huyện Văn Lâm												

Lưu ý:

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội báo cáo số liệu tổng hợp toàn tỉnh
- UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo số liệu tổng hợp của địa phương

KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG ĐẠI DỊCH COVID-19
 (Dành cho Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã)
 (Kèm theo Kế hoạch số 21 /KH-VHXH ngày 17/01/2023 của Ban VHXH - HĐND tỉnh)

TT	Địa phương	Năm 2020				Năm 2021				Năm 2022									
		Tổng số đối tượng thuộc diện được chi trả		Số đối tượng đã được chi trả		Tổng số đối tượng thuộc diện được chi trả		Số đối tượng đã được chi trả		Tổng số đối tượng thuộc diện được chi trả		Số đối tượng đã được chi trả							
		Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng (người)	Kinh phí (triệu đồng)						

Lưu ý:

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội báo cáo số liệu tổng hợp toàn tỉnh
- UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo số liệu tổng hợp của địa phương